

Số: 239/BC-THPTXTB

Xuân Trường, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2025 – 2026**

*(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục phổ thông

“Trường Trung học phổ thông Xuân Trường B”

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

- Địa chỉ: Thôn Bắc Hải, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0395.235.826
- Email: thpt.xuantruongb@namdinh.edu.vn
- Website: : <https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu.

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường THPT Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cơ bản và mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng: *Khẳng định chất lượng*

b) Tầm nhìn: *Là một trong những trường có chất lượng tốt (trong top 20 trường THPT công lập) của tỉnh Ninh Bình*

c) Hệ thống giá trị cơ bản: *Dân chủ, Đoàn kết - Hợp tác, chia sẻ; Kỷ cương nề nếp - Truyền thống, hội nhập; Trung thực, trách nhiệm - Sáng tạo, đổi mới;*

d) Mục tiêu chiến lược

Là đơn vị có chất lượng cao. Học sinh thanh lịch; được công nhận loại đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, chuẩn quốc gia mức độ 1, trường Xanh-Sạch-Đẹp - An toàn vào năm 2024-2025 (có lộ trình từng bước cải tạo các điều kiện CSVC, khuôn viên, hệ thống cây xanh, bóng mát nhà trường)

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Từ năm 1982 đến 1995: Trường ra đời và phát triển

Năm 1982, Trường PTTH Xuân Vinh được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh Hà Nam Ninh. Nhà trường có 8 lớp (5 lớp 8, 3 lớp 9) với 440 học sinh, có 18 cán bộ, giáo viên. Được sự quan tâm của Đảng, chính quyền các cấp, đặc biệt là nhân dân xã Xuân Vinh, thầy và trò nhà trường đã đùm bọc lẫn nhau, vượt qua gian khó, cùng nhân dân địa phương đào ao, vượt thổ, xây dựng được 7 phòng học, trong đó tận dụng cả ngôi chùa cổ An Cư làm phòng học và là nơi làm việc cho cán bộ, giáo viên. Đó là cơ sở ban đầu cho quá trình hình thành và phát triển của Trường THPT Xuân Trường B ngày nay.

Năm học 1986-1987, tên trường được đổi thành Trường PTTH Xuân Thủy B.

Đến năm học 1994-1995, quy mô trường đã có 15 lớp, 35 cán bộ giáo viên với 815 học sinh. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nhà trường tiếp tục khắc phục khó khăn, xây dựng cơ sở vật chất, thực hiện đổi mới, đưa mọi hoạt động vào kỉ cương nề nếp, làm nền tảng cho phong trào thi đua *Dạy tốt - Học tốt*, mạnh dạn đi đầu trong công tác xã hội hóa giáo dục. Chất lượng dạy và học của trường từng bước đi lên: học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 90% đến 95%, đã có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh thi đỗ cao đẳng, đại học trên 30%, có nhiều học sinh được tuyển thẳng vào các trường đại học, nhà trường vinh dự được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen năm học 1994-1995.

Từ năm 1996 đến 2006: Trường thực hiện đổi mới, phát triển toàn diện và từng bước khẳng định

Năm học 1997-1998, khi huyện Xuân Trường tái lập, trường được đổi tên thành Trường THPT Xuân Trường B và được xây mới tại trung tâm Thị trấn huyện. Năm học 2000-2001, cùng với cơ sở cũ, cơ sở mới của trường đã được đưa vào hoạt động nên nhà trường có điều kiện thuận lợi để phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Vì thế, năm học 2005-2006, quy mô nhà trường có 40 lớp (trong đó có 4 lớp phân hiệu) với 2108 học sinh, 81 cán bộ giáo viên, công nhân viên, 31 đảng viên. Cạnh đó, Hội đồng Giáo dục nhà trường còn tích cực hưởng ứng cuộc vận động *Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm* nên chất lượng dạy và học của thầy và trò nhà trường ngày càng được cải thiện, củng cố vững chắc và nâng cao từng bước: tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 99%, học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 95% đến 98%, đội tuyển học sinh giỏi của nhà trường luôn đạt thành tích cao, học sinh thi đỗ cao đẳng, đại học trên 55%, đặc biệt năm 2006 em Mai Văn Chu đỗ thủ khoa Đại học Xây dựng với số điểm tuyệt đối 30/30 đã khẳng định

sự nỗ lực không ngừng của thầy trò nhà trường. Với những thành tích đáng kể đó, nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm học 2001-2002, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen năm học 2005-2006, nhiều năm liên trường được công nhận: Trường Tiên tiến xuất sắc.

Từ năm học 2007 - 2028 đến năm học 2023: Phát huy truyền thống, đẩy mạnh các cuộc vận động, các phong trào thi đua, trường đạt nhiều thành tích xuất sắc

Năm học 2007-2008, nhà trường chuyển toàn bộ ra cơ sở mới, đóng tại trung tâm Thị trấn Xuân Trường (nay là xã Xuân Trường). phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, miền quê văn hiến hiếu học, học giỏi của mảnh đất địa linh nhân kiệt, thầy và trò nhà trường tích cực hưởng ứng các vận động *Hai không*, cuộc vận động *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, cuộc vận động *Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*, phong trào *Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*, liên tục phấn đấu toàn diện và lập nhiều thành tích xuất sắc:

Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 99% đến 100%, thi đỗ cao đẳng, đại học trên 75%, học sinh Nguyễn Quốc Đạt đỗ thủ khoa Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2008 với số điểm 30/30, Nguyễn Hoàng Hải thủ khoa khối B toàn quốc năm 2015 với số điểm 29,75, Bùi Minh Hiếu có điểm thi khối A cao nhất tỉnh năm 2019 với số điểm 28,35 và đạt thủ khoa trường Đại học Quốc gia Hà Nội; năm 2024 có 02 học sinh đỗ thủ khoa cấp tỉnh: Lê Ngọc Mạnh – Thủ khoa khối B và Lê Thu Uyên – Thủ khoa khối D; thi học sinh tỉnh trường luôn đạt giải Nhất, Nhì toàn đoàn; tham gia nhiệt tình, đạt kết quả cao các cuộc thi khác do Sở tổ chức: thi hùng biện Tiếng Anh, khoa học kỹ thuật,...

Từ năm học 2023- 2024 đến nay: Siết chặt kỷ cương, nền nếp; từng bước ổn định và phát triển bền vững, với tinh thần *Dân chủ, Đoàn kết - Hợp tác, chia sẻ; Kỷ cương nề nếp - Truyền thống, hội nhập; Trung thực, trách nhiệm - Sáng tạo, đổi mới*

Phát huy những thành tích xuất sắc của ngôi trường có bề dày truyền thống; nghiêm túc phân tích, rút kinh nghiệm về những hạn chế, tồn tại; tập thể lãnh đạo và Hội đồng Sư phạm nhà trường đã thống nhất xác định, nhiệm vụ và mục tiêu trước mắt, cũng như trong một số năm tiếp theo của nhà trường là: siết chặt kỷ cương, nền nếp, kiên trì và kiên quyết tháo gỡ những điểm nghẽn, đấu tranh chống tư tưởng bè phái, lợi dụng dân chủ để áp đặt ý đồ cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, duy trì và phát triển thành tích học sinh giỏi, cũng như kết quả toàn diện, phấn đấu luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Vì thế, từ năm học 2023-2024 đến nay, trường luôn đỗ Tốt nghiệp 100%, riêng năm học 2023-2024, trường có 02 học sinh đỗ thủ khoa cấp

tinh: Lê Ngọc Mạnh – Thủ khoa khối B và Lê Thu Uyên – Thủ khoa khối D; thi học sinh tỉnh trường đạt giải Nhì toàn đoàn; tham gia nhiệt tình, đạt kết quả cao các cuộc thi khác do Sở tổ chức: thi TĐTT, thi hùng biện Tiếng Anh, giải Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh, thi khoa học kỹ thuật và ngày Hội STEM,...

Thành tích chung của nhà trường liên tục nằm trong top các trường THPT dẫn đầu trong toàn tỉnh, được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia các năm 2012, 2018 và 2024, tháng 3/2014, được UBND tỉnh tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc, Chính phủ tặng Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm học 2013-2014, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba tháng 12/2015.

Ngoài ra, nhà trường còn nhận được nhiều Bằng khen, Giấy khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Nam Định, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định, Công an tỉnh Nam Định, Huyện ủy, UBND huyện Xuân Trường,... Chi bộ luôn hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó nhiều năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn trường nhiều năm được công nhận là Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đoàn trường liên tục là đơn vị xuất sắc, dẫn đầu khối trung học phổ thông. Hầu hết các tổ chuyên môn đều đạt Tổ lao động tiên tiến, nhiều thầy cô đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, Giáo viên giỏi các cấp. Bên cạnh thành tích cao về dạy và học, phong trào văn nghệ, thể dục - thể thao trường luôn được diễn ra thường xuyên và sôi nổi, các đội tuyển văn nghệ, thể dục - thể thao tham dự thi các cấp đạt nhiều giải cao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Trần Xuân Trà
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Xuân Trường B, Thôn Bắc Hải, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại: 0979703715
- Địa chỉ thư điện tử: xuantra715@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy.

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sát nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có).

Trường THPT Xuân Trường B thành lập năm 1982 nhưng Quyết định thành lập trường đã bị thất lạc từ lâu.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và danh sách các thành viên hội đồng trường.

- Hội đồng trường Trường THPT Xuân Trường B được Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định công nhận theo Quyết định số 541/QĐ-SGDĐT ngày 15/4/2021. Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ: <https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/Q%C4%90%20c%C3%B4ng%20nh%E1%BA%ADn%20H%C4%90T%20THPT.pdf>

- Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT Xuân Trường B được Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định công nhận theo Quyết định số: 1256/QĐ-SGDĐT ngày 09/10/2023. Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ: <https://thpt-xuantruongb.namdinh.edu.vn/trang-chu/cong-khai-giao-duc/quyet-dinh-cong-nhan-chu-tich-hoi-dong-truong-truong-thpt-xuan-tuong-don-b-dinh.html>

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng – Đồng chí Trần Xuân Trà: Quyết định số 1044/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (trước khi sáp nhập tỉnh); Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý đối với đồng chí Trần Xuân Trà – Hiệu trưởng (sau sáp nhập tỉnh số 155/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình : Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ: <https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/so-155-qd-thptxtb-qd-bo-nhiem-vien-chuc-quan-ly.html>

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng – Đồng chí Phạm Thị Thanh Hương số 1432/QĐ-SGDĐT ngày 24/7/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định về việc bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý (trước khi sáp nhập tỉnh); Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý đối với đồng chí Phạm Thị Thanh Hương – Phó Hiệu trưởng (sau sáp nhập tỉnh số 156/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình: Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ: <https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/so-156-qd-thptxtb-qd-bo-nhiem-vc-ql.html>

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng – Đồng chí Đỗ Hồng Tuyển số 2189/QĐ-SGDĐT ngày 22/9/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Định về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (trước khi sáp nhập tỉnh); Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý đối với đồng chí Đỗ Hồng Tuyển – Phó Hiệu trưởng (sau sáp nhập tỉnh số 157/QĐ-SGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình : Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ: https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/so-157-qd-sgddt-qd-bo-nhiem-vcql-2025_so-nb-10.7.2025.html

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của cơ sở giáo dục và các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THPT Xuân Trường B: *Nội dung Quy chế trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

<https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/so-59-qd-qc-to-chuc-hd-cua-truongxtb-2025.html>

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường THPT Xuân Trường B:

Trường THPT Xuân Trường B là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường THPT Xuân Trường B được quy định tại Điều 3 của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 và Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học cụ thể gồm:

1. Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

3. Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

5. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

6. Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

7. Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

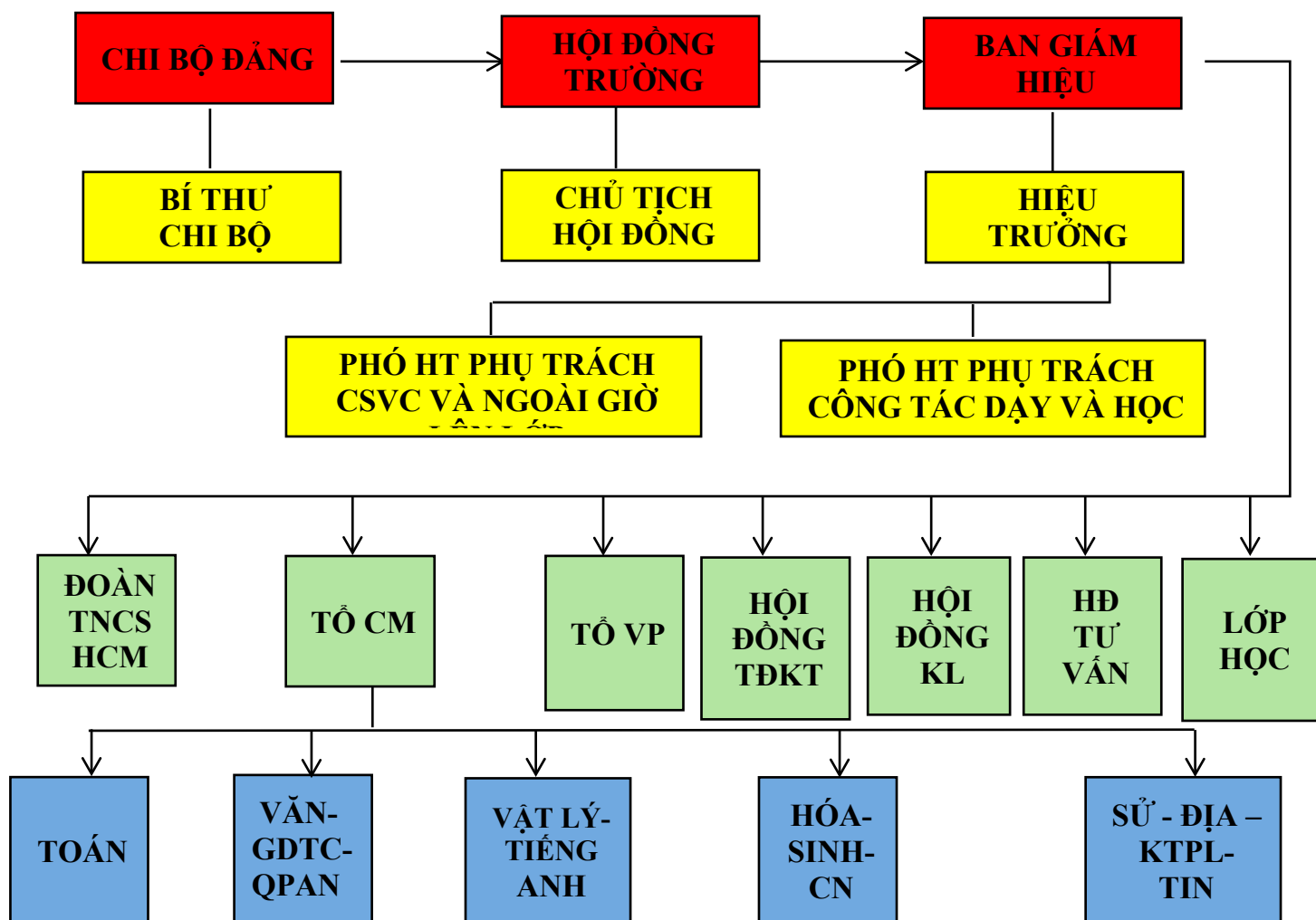
8. Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

9. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy Trường THPT Xuân Trường B



- Chi bộ Đảng Trường THPT Xuân Trường B: Gồm 54 đồng chí chiếm 60,6%

trong đó đảng viên chính thức có 51 đồng chí; đảng viên dự bị 03 đồng chí; ban chi ủy gồm: 05 đồng chí, trong đó có 03 đồng chí trong Ban Giám hiệu

- Hội đồng trường: Hội đồng trường Trường THPT Xuân Trường B nhiệm kỳ 2021-2025 Gồm 15 đồng chí được thành lập theo Điều 10 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 gồm Bí thư Chi bộ; Hiệu trưởng; Chủ tịch công đoàn; Bí thư Đoàn TNCSHCM; Đại diện tổ chuyên môn, tổ Văn phòng; Đại diện chính quyền địa phương, Đại diện Hội CMHS và học sinh (Hội đồng giải tán khi Thông tư 15/2026/TT- Bộ GDĐT có hiệu lực).

- Ban Giám hiệu: Gồm 03 đồng chí trong đó có 01 Hiệu trưởng; 02 Phó hiệu trưởng

- Đoàn TNCS HCM Trường THPT Xuân Trường B: Có khoảng 1.400 đoàn viên gồm 36 chi đoàn học sinh.

- Tổ chuyên môn và tổ Văn phòng

* Trường THPT Xuân Trường B có 05 tổ chuyên môn, cụ thể là:

+ Tổ Toán: Có 17 người số giáo viên; có bằng Thạc sĩ: 05.

+ Tổ Vật Lý – Tiếng Anh: Có 20 người (10 Vật lý, 09 Tiếng Anh (01 PHT), số giáo viên có bằng thạc sĩ: 03).

+ Tổ Hóa học, Sinh, CN: Có 15 người (01 Phó Hiệu trưởng);

+ Tổ Ngữ Văn, TD-QPAN: Có 14 người (01 Hiệu trưởng có bằng thạc sĩ).

+ Tổ Sử - Địa – KTPL - Tin: Có 12 người (03 Sử; 02 Địa và 03 GDKT&PL, 04 Tin)

* Trường THPT Xuân Trường B có 01 tổ Văn phòng: 10 người (01 nhân viên Kế toán; 01 nhân viên thiết bị - Thí nghiệm; 01 nhân viên Thư viện kiêm thủ quỹ; 01 nhân viên y tế học đường; 01 nhân viên CNTT; 01 nhân viên Văn thư – giáo vụ; 01 nhân viên tạp vụ; 03 bảo vệ)

- Hội đồng thi đua khen thưởng: Được thành lập hàng năm theo hướng dẫn của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Hội đồng kỷ luật: Chỉ thành lập khi có sự việc bất thường phải xử lý kỷ luật hàng năm.

- Hội đồng tư vấn: Được thành lập hàng năm để tư vấn cho Hiệu trưởng triển khai các công việc theo đúng chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và phù hợp với điều kiện cơ quan.

- Lớp học:

Năm học 2025 – 2026 Trường THPT Xuân Trường B có 36 lớp , trong đó

Khối 12 có 12 lớp triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 với các môn học tự chọn (07 lớp học tự chọn Vật lí – Hóa học – Sinh học- Tin; 02 lớp học tự chọn Vật lí – Hóa học – Sinh – CN; 03 lớp học tự chọn Lý – địa – CN- KTPL

Khối 11 có 12 lớp triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 với các môn học tự chọn cụ thể là: 03 lớp học tự chọn Vật lí – Hóa học – Sinh học- Tin; 05 lớp học tự chọn Vật lí – Sinh - Hoá – CN, 04 lớp học tự chọn Địa – Lý – KTPL – CN

Khối 10 có 12 lớp triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 với các môn học tự chọn cụ thể là: 04 lớp học tự chọn Vật lí – Hóa học – Sinh học- Tin; 02 lớp học tự chọn Vật lí –Hóa - Sinh –Tin 03 lớp học tự chọn Lý – Hoá - Sinh – CN; 03 lớp tự chọn Địa, lý, KTPL, CN.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Hòm thư điện tử
1	Trần Xuân Trà	Hiệu trưởng	0979703715	Xuantra715@gmail.com
2	Phạm Thị Thanh Hương	Phó Hiệu trưởng	0945339980	hpxuantruongb@gmail.com
3	Đỗ Hồng Tuyển	Phó Hiệu trưởng	0834986679	dhtuyenc3xtb@gmail.com

- Nhiệm vụ của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường: *Trong Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THPT Xuân Trường B năm học 2025 – 2026 trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

<https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/S%E1%BB%91%2059%20Q%C4%90%2C%20QC%20T%E1%BB%94%20CH%E1%BB%A8C%20H%C4%90%20C%E1%BB%A6A%20TR%C6%AF%E1%BB%9CNGXTB%202025.pdf>

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục.

- **Chiến lược phát triển nhà trường:** Kế hoạch số: 17/KH-THPTXTB ngày 12/5/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT Xuân Trường B về Kế hoạch chiến lược phát triển Trường THPT Xuân Trường B giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. *Nội dung kế hoạch trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

<https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/tai-nguyen/van-ban-cua-truong/ke-hoach->

[chien-luoc-phat-trien-truong-thpt-xuan-truong-b-gia.html](https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/qd-66-qd-ban-hanh-quy-che-dan-chu-nam-2025.html)

- **Quy chế dân chủ ở cơ sở giáo dục:** Quyết định số 1218/QĐ-THPTXTB ngày 14/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường trường Trường THPT Xuân Trường B về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường THPT Xuân Trường B năm học 2025 - 2026: *Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

<https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/qd-66-qd-ban-hanh-quy-che-dan-chu-nam-2025.html>

- **Các Nghị Quyết của Hội đồng trường năm học 2025 – 2026:** *Nội dung các Nghị Quyết trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

<https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/cong-khai/so-19-nq-hop-hdt-dau-nam-2025-2026.html>

- Nhà trường có đầy đủ các loại Quy chế, kế hoạch của nhà trường trong năm học 2025 – 2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Biên chế viên chức	HĐLĐ theo Nghị định 111/2022	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
I	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	3					
1	Hiệu trưởng	1					
1.1	Trần Xuân Trà	01		Giáo viên THPT hạng II	Hiệu trưởng	Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn
2	Phó hiệu trưởng	2					
2.1	Đỗ Hồng Tuyến	01		Giáo viên	Phó	Thạc sĩ	Sư phạm

				THPT hạng III	Hiệu trưởng		Tiếng Anh
2.2	Phạm T Thanh Huong	01		Giáo viên THPT hạng III	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Sư phạm Hoá học
II	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành						
1	Tổ trưởng chuyên môn	5					
1.1	Bùi Đức Quang	1		Giáo viên THPT hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
1.2	Đoàn Văn An	1		Giáo viên THPT hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học	Sư phạm Vật lý
1.3	Phạm Văn Báu	1		Giáo viên THPT hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học	Sư phạm Sinh học
1.4	Phạm Thị Liễu	1		Giáo viên THPT hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học	Sư phạm Ngữ văn
1.5	Mai Xuân Bách	1		Giáo viên THPT hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	Đại học	Sư phạm Địa lý
2	Tổ phó chuyên môn	10					

2.1	Vũ Mạnh Cường	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm Toán
2.2	Bùi Việt Hà	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
2.3	Đặng Thị Như Quỳnh	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm Ngữ văn
2.4	Trần Văn Anh	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm GDTC
2.5	Đinh Thị Sáng	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm Tiếng anh
2.6	Hoàng Quốc Luân	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm CN
2.7	Hoàng Thị Thu	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm Hoá học
2.8	Ngô Thị Trà Mi	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm KTPL
2.9	Trần Thị Thao	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm Tin học
3.10	Trịnh Hoàng Trung	01		Giáo viên THPT hạng III	Tổ phó chuyên môn	Đại học	Sư phạm Vật lý

3	Giáo viên	62					
3.1	Vũ Văn Đương	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.2	Phạm Thị Thu Hà	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
3.3	Nguyễn Thị Hằng	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.4	Vũ Thị Hoàn	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.5	Vũ Thị Hương	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.6	Nguyễn Thị Lan	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.7	Vũ Thị Kim Liên	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.8	Vũ Thị Lựa	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.9	Mai Xuân Nghĩa	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
3.10	Phan Văn Phương	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.11	Phạm Thị Thoa	01		Giáo viên	Giáo	Đại học	Sư phạm

				THPT hạng III	viên		Toán
3.12	Vũ Thị Thoa	01		Giáo viên THPT hạng II	Giáo viên	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
3.13	Vũ Thị Thuận	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán
3.14	Đặng Văn Tuyên	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Thạc sĩ	Sư phạm Toán
3.15	Lê Thị Mai Dung	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn
3.16	Phạm Thị Hà	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn
3.17	Đặng Thị Hoài	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn
3.18	Nguyễn Thị Lan	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn
3.19	Đào Thị Nhung	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn
3.20	Phạm Đức Anh	01		Giáo viên THPT	Giáo viên	Đại học	Sư phạm

				hạng III			GDTC
3.21	Vũ Thị Hải	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm GDTC
3.22	Trần Mạnh Hùng	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm GDTC
3.23	Vũ Thị Mến	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm GDTC
3.24	Trần Ngọc Quỳnh	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên (Biệt phái làm tại Sở GD)	Đại học	Sư phạm GDTC
3.25	Nguyễn Thị Cúc	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý
3.26	Phạm Thị Đan	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý
3.27	Nguyễn Thị Vân	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý
3.28	Đinh Văn Đồng	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý
3.29	Bùi Đức Hùng	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý
3.30	Phạm Thị Khánh	01		Giáo viên	Giáo	Thạc sĩ	Sư

	Hòa			THPT hạng III	viên		phạm Vật lý
3.31	Nguyễn Thị Phượng	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý
3.32	Lương Thị Thùy	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý
3.33	Nguyễn Thị Hồi	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.34	Nguyễn Thị Khuyên	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.35	Nguyễn Thị Bích Lộc	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.36	Nguyễn Thị Nhung	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.37	Nguyễn Thị Hải	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.38	Nguyễn Thị Đào	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.39	Bùi Thị Duyên	01		Giáo viên THPT	Giáo	Đại học	Sư phạm

				hạng III	viên		Tiếng Anh
3.40	Đoàn Thị Vân	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh
3.41	Bùi Thị Bích	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học
3.42	Mai Thị Thanh Hương	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học
3.43	Đinh Thị Liễu	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học
3.44	Phạm Thị Lua	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học
3.45	Vũ Thị Hoàng Ngân	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học
3.46	Nguyễn Thị Thắm	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học
3.47	Hoàng Thị Hương	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Sinh học
3.48	Nguyễn Thị Lua	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Sinh học
3.49	Vũ Đức Mạnh	01		Giáo viên	Giáo	Đại học	Sư

				THPT hạng III	viên		phạm Sinh học
3.50	Bùi Thị Vân	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Sinh học
3.51	Trần Thị Bích Diệp	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Công nghệ
3.52	Phan Văn Chính	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Địa lý
3.53	Vũ Thị Diễm	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Lịch sử
3.54	Trần Ngọc Duy	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Lịch sử
3.55	Vũ Thị Ngoan	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Lịch sử
3.56	Trần Thị Bích Lương	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm KTPL
3.57	Hoàng Thị Vân	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm KTPL
3.58	Nguyễn Thị Hà	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tin học
3.59	Bùi Thị Huế	01		Giáo viên	Giáo	Thạc sĩ	Sư

				THPT hạng III	viên		phạm Tin học
3.60	Bùi Đức Trường	01		Giáo viên THPT hạng III	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Tin học
3.61	Nguyễn Thị Hiền	01		Nhân viên THPT hạng IV	Nhân viên	Trung Cấp	Trung cấp Thư viện
3.62	Mai Thị Thanh Hương	01		Nhân viên THPT hạng IV	Nhân viên	Cao Đẳng	Cao Đẳng TBTN
III.	Vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung	04					
1	Đặng Thị Vui	01	HĐLĐ	Kế toán viên	Nhân viên	Đại học	Đại học kế toán
2	Mai Thị Ngọc	01	HĐLĐ	Văn Thư – Giáo vụ	Nhân viên	Trung cấp	Trung cấp Văn Thư
3	Đoàn Thị Thanh Vân	01	HĐLĐ	Y tế học đường	Nhân viên	Trung cấp	Trung cấp
4	Đỗ Thị Hồng Thảo	01	HĐLĐ	CNTT	Nhân viên	Trung cấp	Trung cấp CNTT
IV	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ	04					
1	Bùi Đức Dương			HĐLĐ Bảo vệ	Nhân viên	07/10	THCS

2	Trịnh Thị La			HĐLĐ Bảo vệ	Nhân viên	07/10	THCS
3	Nguyễn Văn Chiến			HĐLĐ Bảo vệ	Nhân viên	07/10	THCS
4	Phạm Đức Thuận			HĐLĐ Bảo vệ	Nhân viên	Trung cấp	Trung cấp Điện

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo Quy định

- Số lượng giáo viên đạt chuẩn: $75/75 = 100\%$
- Số lượng CBQL đạt chuẩn: $03/03 = 100\%$

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo Quy định.

- Số lượng giáo viên hoàn thành bồi dưỡng: $75/75 = 100\%$
- Số lượng CBQL hoàn thành bồi dưỡng: $03/03 = 100\%$
- Số lượng nhân viên hoàn thành bồi dưỡng: $08/08 = 100\%$

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Trường THPT Xuân Trường B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 07/08/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định: (không công khai)

Nội dung Quyết định trong tệp đính kèm tại địa chỉ: <https://thpt-lequydon.namdinh.edu.vn/trang-chu/cong-khai-giao-duc/giay-chung-nhan-quyen-su-dung-dat-cua-truong-thpt-le-quy-don-nam-dinh.html>

- Theo Nội dung Quyết định của UBND tỉnh Nam Định, tổng diện tích đất của trường THPT Xuân Trường B là 19.979,6 m² nằm tại xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình được sử dụng để làm mặt bằng xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo không kinh doanh.

- Diện tích đất trung bình tối thiểu trên một học sinh là: là $19.979,6/1602=12,5\text{m}^2/\text{hs}$ So với quy định tại khoản 3 Điều 17 thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 thì đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật.

Thông tin chung

STT	Nội dung	Số lượng năm 2025 - 2026
1	Tổng số trường	1
2	Tổng số điểm trường	1
3	Tổng số học sinh	1602
	- Số học sinh ở điểm trường chính	1602
	- Số học sinh ở điểm trường lẻ	0
4	Tổng số lớp	36
	- Số lớp ở điểm trường chính	36
	- Số lớp ở điểm trường lẻ	

Hiện trạng cơ sở vật chất

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	36	36	0	0
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	0	0	0
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	0	0	0
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	0	0	0	0
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	3	3	0	0
1.6	Phòng học đa chức năng	2	2	0	0
1.7	Phòng học bộ môn Vật lý	1	1	0	0

1.8	Phòng học bộ môn Hóa học	1	1	0	0
1.9	Phòng học bộ môn Sinh học	1	1	0	0
1.10	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	0	0	0	0
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	1	1	0	0
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	4	4	0	0
2.3	Phòng tư vấn học đường	0	0	0	0
2.4	Phòng Đoàn Thanh niên	1	1	0	0
2.5	Phòng truyền thống	1	1	0	0
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1	1	0	0
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	5	5	0	0
3.3	Phòng y tế trường học	1	1	0	0
3.4	Nhà kho	1	1	0	0
3.5	Khu để xe học sinh	3	0	3	0
3.6	Khu vệ sinh học sinh	2	0	2	0
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0	0	0	0
3.8	Phòng giáo viên	0	0	0	0
3.9	Nhà công vụ cho giáo viên	1	1	0	0
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1	1	0	0
4.2	Sân thể dục thể thao	1	1	0	0
4.3	Nhà đa năng	1	1	0	0

5	Khối phục vụ sinh hoạt				
5.1	Nhà bếp	0	0	0	0
5.2	Kho thực phẩm	0	0	0	0
5.3	Nhà ăn	0	0	0	0
5.4	Phòng ở nội trú	0	0	0	0
5.5	Phòng quản lý học sinh	0	0	0	0
5.6	Phòng sinh hoạt chung	0	0	0	0
5.7	Nhà văn hóa	0	0	0	0

3. Số thiết bị dạy học hiện có:

STT	Thiết bị	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dạy học (%)			Nhu cầu mua sắm bổ sung TBDH	
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Số lượng	Giá dự toán (triệu đồng)
I	Thiết bị dạy học tối thiểu					
1	Thiết bị dạy học môn Ngữ văn	0%	0%	0%	6 bộ	
2	Thiết bị dạy học môn Toán	0%	15%	0%	7 bộ	
3	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	50%	50%	50%	3 bộ	
4	Thiết bị dạy học môn Giáo dục thể chất	20%	20%	20%	3 bộ	
5	Thiết bị dạy học môn Lịch sử	0%	0%	0%	1 bộ	
6	Thiết bị dạy học môn Địa lý	0%	0%	0%	1 bộ	
7	Thiết bị dạy học môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	0%	0%	0%	3bộ	

8	Thiết bị dạy học môn Vật lý	10%	10%	10%	2 bộ	
9	Thiết bị dạy học môn Hóa học	20%	20%	20%	3 bộ	
10	Thiết bị dạy học môn Sinh học	20%	20%	20%	2 bộ	
11	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	0%	0%	0%	1bộ	
12	Thiết bị dạy học môn Tin học	30%	30%	30%	5 bộ	
13	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	0%	0%	0%	0	
14	Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật	0%	0%	0%	0	
15	Thiết bị Hoạt động trải nghiệm	0%	0%	0%	1 bộ	
16	Thiết bị dạy học dùng chung	40%	40%	40%	1 bộ	
II	Hệ thống bàn ghế học sinh					
1	Loại 2 chỗ ngồi	100%	100%	100%	0	
2	Loại khác	0	0	0	0	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng tại trường THPT Xuân Trường B đã được UBND tỉnh phê duyệt cho năm học 2025 – 2026

Khối 12

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
1	Ngữ văn 12, Tập 1 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, Tập 2 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	
2	Toán 12, Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
	Toán 12, Tập 2 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	
	Chuyên đề học tập Toán 12 <i>(Cánh diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh	

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
		Phương	
3	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 12-Cầu lông <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
5	Giáo dục thể chất 12-Bóng Chuyền <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
6	Giáo dục thể chất 12-Bóng đá <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
7	Giáo dục thể chất 12-Bóng rổ <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hồi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hồi	

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	<i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>		
9	Lịch sử 12 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	
10	Địa lí 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh.	Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương.	Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam
11	Vật lí 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cương, Tưởng Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh	

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
12	Hóa học 12 <i>(Cánh diều)</i>	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)- Dương Bá Vũ (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Hà – Vũ Quốc Trung	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
	Chuyên đề học tập Hoá học 12 <i>(Cánh diều)</i>	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)- Dương Bá Vũ (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Hà – Vũ Quốc Trung	
13	Sinh học 12 <i>(Cánh diều)</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa – Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thuý – Đoàn Văn Thước .	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
	Chuyên đề học tập Sinh học 12 <i>(Cánh diều)</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa – Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thuý – Đoàn Văn Thước .	
14	Tin học 12, Tin học ứng dụng <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
	Tin học 12, Khoa học máy tính <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn	

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	học máy tính <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Thứ, Đặng Bích Việt	
15	Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phụng, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới, Kim Văn Vạn (Đồng Chủ biên), Trương Đình Hoài, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết.	
16	Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện – Điện tử <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Nguyễn Thị Thanh Vân	
17	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tô Oanh, Trần Thị Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
18	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên); Đoàn Chí Kiên (Chủ biên); Hoàng Quốc Huy; Mai Đức Kiên; Doãn Văn Nghĩa.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Khối 11

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
1	Ngữ văn 11, Tập 1 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 11, Tập 2 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	
2	Toán 11, Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	Toán 11, Tập 2 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	phạm)
	Chuyên đề học tập Toán 11 (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	
3	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 11-Cầu lông (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
5	Giáo dục thể chất 11-Bóng Chuyền (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
6	Giáo dục thể chất 11-Bóng đá (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
7	Giáo dục thể chất 11-Bóng rổ (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hồi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hồi	
9	Lịch sử 11 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	
10	Địa lí 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh.	Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương.	Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
11	Vật lí 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cương, Tưởng Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh	
12	Hóa học 11 <i>(Cánh diều)</i>	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)- Dương Bá Vũ (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Hà – Vũ Quốc Trung	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
	Chuyên đề học tập Hoá học 11 <i>(Cánh diều)</i>	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)- Dương Bá Vũ (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Hà – Vũ Quốc Trung	
13	Sinh học 11 <i>(Cánh diều)</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa – Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thuý – Đoàn Văn Thước .	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
	Chuyên đề học tập Sinh học 11 <i>(Cánh diều)</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa – Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thuý – Đoàn Văn Thước .	
14	Tin học 11, Tin học ứng dụng <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	Tin học 11, Khoa học máy tính <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Tin học ứng dụng <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập Tin học 11, Khoa học máy tính <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
15	Công nghệ 11, Lâm nghiệp – Thủy sản <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phụng, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Lâm nghiệp – Thủy sản <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới, Kim Văn Vạn (Đồng Chủ biên), Trương Đình Hoài, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết.	
16	Công nghệ 11, Công nghệ Điện – Điện tử <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ Điện – Điện tử <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Nguyễn Thị Thanh Vân	
17	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tô Oanh, Trần Thị Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
18	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên); Đoàn Chí Kiên (Chủ biên); Hoàng Quốc Huy; Mai Đức Kiên; Doãn Văn Nghĩa.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Khối 10

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
1	Ngữ văn 10, Tập 1 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 10, Tập 2 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn	

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
		Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân	
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh	
2	Toán 10, Tập 1 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
	Toán 10, Tập 2 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	
	Chuyên đề học tập Toán 12 <i>(Cánh diều)</i>	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	
3	Tiếng Anh 10Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải, Nguyễn Thị Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục thể chất 10-Cầu lông <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
5	Giáo dục thể chất 10-Bóng Chuyền <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
6	Giáo dục thể chất 10-Bóng đá <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
7	Giáo dục thể chất 10-Bóng rổ <i>(Cánh Diều)</i>	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Đinh Quang Ngọc (Chủ biên) ; Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Thạch, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hòai, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng Chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hòai	
9	Lịch sử 10 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 <i>(Cánh Diều)</i>	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình, Lê Hiến Chương, Nguyễn Mạnh Hưởng, Vũ Đức Liêm, Phạm Thị Tuyết	

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
10	Địa lí 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh.	Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương.	Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam
11	Vật lí 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim chung, Đặng Thanh Hải, Tưởng Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Vật lí 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cương, Tưởng Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh	
12	Hóa học 10 <i>(Cánh diều)</i>	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)- Dương Bá Vũ (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Hà – Vũ Quốc Trung	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
	Chuyên đề học tập Hoá học 10 <i>(Cánh diều)</i>	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)- Dương Bá Vũ (Chủ biên) Nguyễn Ngọc Hà – Vũ Quốc Trung	
13	Sinh học 10 <i>(Cánh diều)</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa – Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thuý – Đoàn Văn Thước .	Nhà xuất bản Đại học sư phạm

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	Chuyên đề học tập Sinh học 10 <i>(Cánh diều)</i>	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Lê Thị Phương Hoa – Ngô Văn Hưng, Trần Thị Thuý – Đoàn Văn Thược .	
14	Tin học 10, Tin học ứng dụng <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
	Tin học 10, Khoa học máy tính <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập Tin học 10, Tin học ứng dụng <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
	Chuyên đề học tập Tin học 10, Khoa học máy tính <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Phạm Thế Phong (Tổng Chủ biên), Đào Kiên Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	
15	Công nghệ 10, Lâm nghiệp – Thủy sản <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Cảnh, Trương Đình Hoài, Đỗ Thị Phương, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết, Kim Văn Vạn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Tên sách (Thuộc bộ sách)	Tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10, Lâm nghiệp – Thủy sản <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới, Kim Văn Vạn (Đồng Chủ biên), Trương Đình Hoài, Lê Xuân Trường, Trần Ánh Tuyết.	
16	Công nghệ 10, Công nghệ Điện – Điện tử <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10, Công nghệ Điện – Điện tử <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đinh Triều Dương (Chủ biên), Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Nguyễn Thị Thanh Vân	
17	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
18	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 <i>(Kết nối tri thức với cuộc sống)</i>	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên); Đoàn Chí Kiên (Chủ biên); Hoàng Quốc Huy; Mai Đức Kiên; Doãn Văn Nghĩa.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TÀI NGUYÊN THÔNG TIN

+ Tài nguyên sách tương ứng tổng số HS toàn trường là $1600 \times 6 = 9600$ bản

+ Sách pháp luật: 256 bản

+ Tài nguyên Sách giáo khoa chương trình giáo dục phổ thông 2006: một giáo viên 1 bộ thực dạy = số đầu sách các môn học x số giáo viên thực dạy các môn học khối 12:

STT	MÔN HỌC	ĐẦU SÁCH	GV/1 TỔ Thực dạy	TỔNG Tài nguyên
1	Toán học	4	12	48
2	Ngữ văn	4	7	28
3	Vật lý	2	6	12
4	Hoá học	2	4	8
5	Sinh học	2	2	4
6	Lịch sử	1	2	2
7	Địa lý	1	2	2
8	GDCD	1	2	2
9	Tiếng anh	2	7	14
10	CN - CN	1	1	1
11	Thể dục	1	2	2
12	QPAN	1	2	2
13	Tin học	1	3	3
Tổng I				128

+ Tài nguyên Sách giáo viên chương trình giáo dục phổ thông 2006: một giáo viên 1 bộ thực dạy = số đầu sách các môn học x số giáo viên thực dạy tương ứng với các môn học của khối 12:

STT	MÔN HỌC	ĐẦU SÁCH	GV/1 TỔ Thực dạy	TỔNG Tài nguyên
1	Toán học	1	12	12
2	Ngữ văn	1	7	7
3	Vật lý	1	6	6
4	Hoá học	1	4	4
5	Sinh học	1	2	2
6	Lịch sử	1	2	2
7	Địa lý	1	2	2
8	GDCD	1	2	2
9	Tiếng anh	1	7	7
10	CN - CN	1	1	1
11	Thể dục	1	2	2
12	QPAN	1	2	2
13	Tin học	1	3	3
Tổng II				52

+ Tài nguyên Sách giáo khoa CT GDPT 2018: một giáo viên 1 bộ thực dạy = số đầu sách các môn học x số giáo viên thực dạy của các môn học khối 10:

STT	MÔN HỌC	ĐẦU SÁCH X 1 bộ (KN hoặc CD)	GV/1 TỔ Thực dạy	TỔNG Tài nguyên
1	Toán học	4	8	32
2	Ngữ văn	4	4	16
3	Vật lý	2	4	8
4	Hoá học	2	4	8

5	Sinh học	2	3	6
6	Lịch sử	2	3	6
7	Địa lý	2	1	2
8	KT&PL	2	2	4
9	Tiếng anh	2	6	12
10	CN - CN	1	2	2
11	CN - NN	1	1	1
12	Thể dục	5	4	20
13	QPAN	2	2	4
14	Tin học	2	4	8
15	HĐ TNHN	2	22	44
Tổng III				191

+ Tài nguyên Sách giáo viên CT GDPT 2018: một giáo viên 1 bộ thực dạy = số đầu sách các môn học x số giáo viên thực dạy các môn học khối 10:

STT	MÔN HỌC	ĐẦU SÁCH X 1 bộ (KN hoặc CD)	GV/1 TỔ Thực dạy	TỔNG Tài nguyên
1	Toán học	1	8	8
2	Ngữ văn	1	4	4
3	Vật lý	1	4	4
4	Hoá học	1	4	4
5	Sinh học	1	3	3
6	Lịch sử	1	3	3
7	Địa lý	1	1	1
8	GDCD	1	2	2

9	Tiếng anh	1	6	6
10	CN - CN	1	2	2
11	CN - NN	1	1	1
12	Thể dục	1	4	4
13	QPAN	1	2	2
14	Tin học	1	4	4
15	HĐ TNHH	1	22	22
Tổng IV				70

+ Tài nguyên Sách giáo khoa CT GDPT 2018: một giáo viên 1 bộ thực dạy = số đầu sách các môn học x số giáo viên thực dạy của các môn học khối 11:

STT	MÔN HỌC	ĐẦU SÁCH X 1 bộ (KN hoặc CD)	GV/1 TỔ Thực dạy	TỔNG Tài nguyên
1	Toán học	4	10	40
2	Ngữ văn	4	4	16
3	Vật lý	2	6	12
4	Hoá học	2	3	6
5	Sinh học	2	2	4
6	Lịch sử	2	2	4
7	Địa lý	2	2	4
8	KT&PL	2	1	2
9	Tiếng anh	2	6	12
10	CN - CN	1	2	2
11	CN - NN	1	1	1
12	Thể dục	5	2	10
13	QPAN	2	2	4

14	Tin học	2	1	2
15	HĐ TNHH	2	15	30
Tổng V				139

+ Tài nguyên Sách giáo viên CT GDPT 2018: một giáo viên 1 bộ thực dạy = số đầu sách các môn học x số giáo viên thực dạy các môn học khối 11:

STT	MÔN HỌC	ĐẦU SÁCH X 1 bộ (KN hoặc CD)	GV/1 TỔ Thực dạy	TỔNG Tài nguyên
1	Toán học	1	10	10
2	Ngữ văn	1	4	4
3	Vật lý	1	6	6
4	Hoá học	1	3	3
5	Sinh học	1	2	2
6	Lịch sử	1	2	2
7	Địa lý	1	2	2
8	GDCD	1	1	1
9	Tiếng anh	1	6	6
10	CN - CN	1	1	1
11	CN - NN	1	2	2
12	Thể dục	1	2	2
13	QPAN	1	2	2
14	Tin học	1	1	1
15	HĐ TNHH	1	15	15
Tổng VI				59

+ Tài nguyên Sách giáo khoa Lưu kho CT GDPT 2006 là (số đầu sách các môn

học x số khối học)

STT	Môn học	Đầu sách	Số khối học	Tổng tài nguyên
1	Toán học	12	3	36
2	Ngữ văn	12	3	36
3	Vật lý	6	3	18
4	Hoá học	6	3	18
5	Sinh học	6	3	18
6	Lịch sử	6	3	18
7	Địa lý	6	3	18
8	GDCD	6	3	18
9	Tiếng anh	9	3	27
10	CN - CN	2	2	4
11	CN - NN	1	1	1
12	Thể dục	6	3	18
13	QPAN	6	3	18
14	Tin học	6	3	18
Tổng VII				266

+ Tài nguyên Sách giáo viên Lưu kho CT GDPT 2006 là (số đầu sách các môn học x Số khối học)

STT	Môn học	Đầu sách	Số khối học	Tổng tài nguyên
1	Toán học	3	3	9
2	Ngữ văn	3	3	9
3	Vật lý	3	3	9
4	Hoá học	3	3	9

5	Sinh học	3	3	9
6	Lịch sử	3	3	9
7	Địa lý	3	3	9
8	GDCD	3	3	9
9	Tiếng anh	3	3	9
10	CN - CN	2	2	4
11	CN -NN	1	1	1
12	Thể dục	3	3	9
13	QPAN	3	3	9
14	Tin học	3	3	9
Tổng VIII				113

+ Tài nguyên Sách giáo khoa Lưu kho CT GDPT 2018: (02 khối học) = Số đầu sách x số khối học:

STT	Môn học	Số đầu	Số khối	Tổng Tài nguyên
1	Toán học	8	2	16
2	Ngữ văn	8	2	16
3	Vật lý	4	2	8
4	Hoá học	4	2	8
5	Sinh học	4	2	8
6	Lịch sử	2	2	4
7	Địa lý	2	2	4
8	KT - PL	2	2	4
9	Tiếng anh	4	2	8

10	CN- CN	2	2	4
11	CN - NN	2	2	4
12	Thẻ dực	2	2	4
13	QPAN	2	2	4
14	Tin học	2	2	4
15	HĐ TNHH	2	2	4
Tổng IX				100

+ Tài nguyên Sách giáo viên Lưu kho CT GDPT 2018: (số đầu sách các môn x số bản sách x số khối học)

STT	Môn học	Đầu sách	Số bản sách	Số khối	Tổng Tài nguyên
1	Toán học	2	3	2	12
2	Ngữ văn	2	3	2	12
3	Vật lý	2	3	2	12
4	Hoá học	2	3	2	12
5	Sinh học	2	3	2	12
6	Lịch sử	2	3	2	12
7	Địa lý	2	3	2	12
8	KT - PL	2	3	2	12
9	Tiếng anh	2	3	2	12
10	CN- CN	2	3	2	12
11	CN - NN	2	3	2	12
12	Thẻ dực	2	3	2	12
13	QPAN	2	3	2	12

14	Tin học	2	3	2	12
15	HĐ TNHH	2	3	2	12
Tổng X					180

+ Tài nguyên sách chuyên đề chương trình GDPT 2018 lưu là : (số đầu sách các môn x số bản sách x số khối học)

STT	Môn học	Đầu sách	Tổng số bản sách	Số khối học	Tổng Tài nguyên
1	Toán học	2	3	2	12
2	Ngữ văn	2	3	2	12
3	Vật lý	2	3	2	12
4	Hoá học	2	3	2	12
5	Sinh học	2	3	2	12
6	Lịch sử	2	3	2	12
7	Địa lý	2	3	2	12
8	Tin học	2	3	2	12
9	Giáo dục KTPL	2	3	2	12
Tổng XI					108

Tổng tài nguyên thông tin = 9600 + Sách pháp luật (256) Tổng I (128) + Tổng II (52) + Tổng III (191) + Tổng IV (70) + Tổng V (139) + Tổng VI (59) + Tổng VII (266) + Tổng VIII (113) + Tổng IX (100) + Tổng X (180) + Tổng XI (108) = 11262 bản.

TRANG LIÊN KẾT THƯ VIỆN TRAO ĐỔI TÀI NGUYÊN THÔNG TIN

<https://thuviennamdinh.vn/>

<https://thpt-ngocha-hagiang.violet.vn/>

<https://thpt-phanhiet-binhthuan.violet.vn/>

<https://thuvienthducchinh.violet.vn/>

<https://thpt-chuванan-dongnai.violet.vn/>

<https://thpt-ngosylien-kiengiang.violet.vn/>

<https://ptth-trungtamgdtxngoaingutinhocbacgiang.violet.vn/>
<https://ptcs-vathcs1510-sonla.violet.vn/>
<https://thpt-tuctranh-thainguyen.violet.vn>
<https://thpt-dinhhoa-thainguyen.violet.vn/>
<https://thpt-diemthuy-thainguyen.violet.vn/>
<https://thpt-chuvanan-daklak.violet.vn/>
<https://ptth-ptdtntquangngai.violet.vn/>
<https://th-dinhvienhoang-lamdong.violet.vn/>
<https://ptcs-vathcstranquoctoan-quangnam.violet.vn/>
<https://thcs-doanket-laichau.violet.vn/>
<https://th-hoabinh-chilang-langson.violet.vn/>
<https://thpt-songcong-thainguyen.violet.vn/>
<https://thcs-hoabinh-bienhoa-dongnai.violet.vn/>
<https://thpt-ngocha-hagiang.violet.vn/>
<https://th-camhoang-haiduong.violet.vn/>
<https://th-namson-ductrong-lamdong.violet.vn/>
<https://thcs-phongxuan-thuathienhue.violet.vn/>
<https://thcs-cuonggian-hatinh.violet.vn/>
<https://thuvienthienlinh.violet.vn/>
<https://th-camdong-haiduong.violet.vn/>
<https://thcs-duonglieu-hanoi.violet.vn/>
<https://th-haitan-haiduong.violet.vn/>
<https://th-luongdien-haiduong.violet.vn/>
<https://th-thanhbinh-haiduong.violet.vn/>
<https://th-dinhson-haiduong.violet.vn/>
<https://th-duynhat1-thaibinh.violet.vn/>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026, Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	x
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	x
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x

Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Nhà trường tự đánh giá:

+ Mức 1: 28/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%

+ Mức 2: 28/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%

+ Mức 3: 15/20 tiêu chí đạt yêu cầu = 75%

Nhà trường tự đánh giá: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Tập đính kèm

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia theo tập đính kèm:

<https://thpt-xuantruongb.ninhbinh.edu.vn/tin-tuc/tin-tuc-nha-truong/truong-thpt-xuan-truong-b-don-bang-cong-nhan-chuan-qg.html>

- Nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ đề báo cáo Sở GD&ĐT Nam Định đăng ký đánh giá ngoài 04 nội dung gồm kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2; trường chuẩn Quốc gia mức độ 1; thư viện đạt chuẩn mức độ 2 và trường đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn và đã được công nhận vào tháng 09/2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:

Nội dung kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 - 2026 trong tệp đính kèm tại địa chỉ:

[https://thptxuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/S%E1%BB%90%20124%20%20KH%20THPTXTB%20%20tuy%E1%BB%83n%20sinh%20v%C3%A0o%20l%E1%BB%9Bp%2010%20\(2026\).pdf](https://thptxuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/S%E1%BB%90%20124%20%20KH%20THPTXTB%20%20tuy%E1%BB%83n%20sinh%20v%C3%A0o%20l%E1%BB%9Bp%2010%20(2026).pdf)

b) Kế hoạch giáo dục năm học 2025 – 2026: *Nội dung Kế hoạch giáo dục năm học 2025 – 2026 trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

[https://thptxuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/S%E1%BB%90%2050%20KH%20Gi%C3%A0o%20D%E1%BB%A5c%20Nam%20Hoc%202025-2026_XTB%20\(11_10_2025\).pdf](https://thptxuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/S%E1%BB%90%2050%20KH%20Gi%C3%A0o%20D%E1%BB%A5c%20Nam%20Hoc%202025-2026_XTB%20(11_10_2025).pdf)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội năm học 2025 – 2026: *Nội dung Quy chế trong tệp đính kèm tại địa chỉ:*

<https://thptxuantruongb.ninhbinh.edu.vn/upload/50861/fck/36000731/Q%C4%90%2066-Q%C4%90%20Ban%20H%C3%A0nh%20Quy%20ch%E1%BA%BF%20d%C3%A2n%20ch%E1%BB%A7%20n%C4%83m%202025.pdf>

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025 – 2026

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số học sinh học 02 buổi/ngày; số học sinh nam/số học sinh nữ, sinh sinh người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

- Kết quả tuyển sinh năm học 2025 – 2026: Trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT không chuyên tỉnh Ninh Bình năm học 2025 – 2026, trường THPT Xuân Trường B tuyển sinh được 504/504 học sinh với điểm trúng tuyển là 21.75 điểm, 100% học sinh đều trúng tuyển nguyện vọng 1 với điểm trung bình là 42 **cao thứ 7 trong số 45 trường THPT trong toàn tỉnh.**

- Tổng số học sinh theo từng khối lớp, số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số học sinh học 02 buổi/ngày; số học sinh nam/số học sinh nữ, học sinh người dân tộc

thiếu số, học sinh khuyết tật

Khối	Số lớp	Số học sinh	Số hs/lớp	Số HS nữ		Số HS dân tộc		Số học sinh khuyết tật	
				SL	%	SL	%	SL	%
10	12	508	46,3	313	61.61	0	0	3	0.6
11	12	547	46,6	317	57.95	0	0	0	0,00
12	12	547	41,9	306	55.94	0	0	2	0.4
Cộng	36	1602	44,9	936	58.43	0	0	5	0.3

- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

Khối	Số HS đầu năm	Số học sinh chuyển đi	Số học sinh chuyển đến	Số học sinh cuối năm
10	504	0	4	508
11	545	2	4	547
12	507	0	0	547
Tổng số	1.556	2	8	1602

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; thống kê số lượng học sinh lên lớp, học sinh không được lên lớp.

Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện

Khối	Số HS	Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	508	488	96,06%	20	3.94%	0	0,00	0	0,00
11	547	531	97.07%	16	2.93%	0	0,00	0	0,00
12	547	533	97.44%	14	2.56%	0	0,00	0	0,00
Tổng	1602	1.552	96.88%	50	3.12%	0	0,00	0	0,00

- Xếp loại học lực/học tập

Khối	Số HS	Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	508	391	76.97%	116	22.83%	1	0,19%	0	0,00	0	0,00
11	547	456	83.36%	91	16.64%	0	0,00	0	0,00	0	0,00
12	547	473	86.47%	72	13.16%	2	0.37%	0	0,00	0	0,00
Tổng	1602	1.320	82.4%	279	17.42%	3	10.19%	0	0,00	0	0,00

- Qua kết quả học tập và rèn luyện năm học 2025 – 2026 toàn trường không có học sinh nào phải thi lại hoặc rèn luyện lại trong hè, 100% được lên lớp thẳng và đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

c) Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp, số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường đại học năm 2026

- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THPT năm học 2025 – 2026 là 547 học sinh đạt 100%

- Số học sinh đỗ tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp THPT năm 2026 là 547 học sinh đạt 100%

- Số học sinh trúng tuyển vào các trường Đại học và cao đẳng năm **2026 (chưa có số liệu)**

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
1	DOANH THU	400		22.086.253.212	
1.1	Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp	411	IV.1	19.265.104.000	
1.2	Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài	412	IV.2		
1.3	Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại	413	IV.3		
1.4	Doanh thu tài chính	414	IV.4	876.000	
1.5	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	415	IV.5		
1.6	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	416	IV.6	2.696.285.532	
	- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu	417		2.107.730.532	

	- Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN	418		588.555.000	
1.7	Thu nhập khác	419	IV.7	123.987.680	
2	CHI PHÍ	450		22.661.965.426	
2.1	Chi phí hoạt động không giao tự chủ	451	IV.8	320.766.000	
2.2	Chi phí hoạt động giao tự chủ	452	IV.9		
2.3	Chi phí tài chính	453	IV.10		
2.4	Giá vốn hàng bán	454	IV.11		
2.5	Chi phí bán hàng	455	IV.12		
2.6	Chi phí quản lý của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	456	IV.13	22.307.732.376	
2.7	Chi phí khác	457	IV.14	33.467.050	
2.8	Chi phí tài sản bàn giao	458	IV.15		
3	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	460	IV.16		
4	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	500		(575.712.214)	
5	ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DO CHI PHÍ GHI NHẬN NĂM NAY NHƯNG DOANH THU ĐÃ GHI NHẬN NĂM TRƯỚC	510	IV.17	971.161.918	
6	THẶNG DƯ/THÂM HỤT TRONG NĂM	520		395.449.704	
	Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị	521			
	Nguồn kinh phí mang sang năm sau	522	IV.19		
	Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau	525	IV.20	395.449.704	

2. Các khoản thu, mức thu đối với người học năm học 2025-2026 và dự kiến cho các năm tiếp theo

TT	Các khoản thu	Mức thu	Căn cứ thực hiện	Hình thức thu	Thời gian thu
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục				
1	Trông coi xe	- Xe đạp, xe đạp điện: Kỳ I thu 8.000 đồng/tháng/học sinh; Kỳ II thu 10.000 đồng/tháng/học sinh - Xe máy, xe máy điện: Kỳ I thu 12.000 đồng/tháng/học sinh; Kỳ II thu 15.000 đồng/tháng/học sinh	- Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của Thu Thu theo QĐ số 01/2018/ QĐ -UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định. về việc quy định mức giá dịch vụ trông gửi xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định. - Nghị quyết số 30/2025 ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình; Hướng dẫn số 37/SGDDT-TC ngày 08/01/2026 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình	Thu tiền qua ngân hàng	Thu làm 02 kỳ; Kỳ I thu vào tháng 10+ 11/2025; Kỳ II thu vào tháng 03+04/2026

		(Khối 10 và 11 thu 09 tháng; khối 12 thu 10 tháng)			
2	Nước uống	Kỳ I thu 6.000 đồng/tháng/học sinh; Kỳ II thu 10.000 đồng/ tháng/học sinh	Hướng dẫn số 927/GDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2025-2026.	Thu qua ngân hàng	Thu làm 02 kỳ; Kỳ I thu vào tháng 10+ 11/2025; Kỳ II thu vào tháng 03+04/2026
		(Khối 10 và 11 thu 09 tháng; khối 12 thu 10 tháng)	Nghị quyết số 30/2025 ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình; Hướng dẫn số 37/SGDDT- TC ngày 08/01/2026 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình		
4	Vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh	16.000 đồng/ tháng/học sinh (Khối 10 và 11 thu 09 tháng; khối 12 thu 10 tháng)	Nghị quyết số 30/2025 ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình; Hướng dẫn số 37/SGDDT- TC ngày 08/01/2026 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình	Thu qua ngân hàng	Thực hiện từ kỳ II thu vào tháng 03+04/2026
5	Dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10 (năm học 2025- 2026)	90.000/1 thí sinh	Theo dự toán được sở GD&ĐT Ninh Bình phê duyệt	Thu qua tài khoản ngân hàng	Đã thực hiện
II	Các khoản thu hộ, chi hộ				
1	Bảo hiểm y tế	Thu 52.650 đ/ tháng/HS khối 10 và 11. Thu 12 tháng Thu 52.650 đ/ tháng/HS khối 12 thu 9 tháng: 473.850đ)	- Công văn số 336/BHXX-QLT ngày 21/8/2025 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình ban hành, chuyên trách về việc hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025 - 2026.	Thu qua ngân hàng	Tháng 11/2025

Trong các năm học tiếp theo, nếu không có quy định mới của cấp có thẩm quyền thì các khoản thu, mức thu tiếp tục thực hiện như năm học 2025-2026.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học 2025-2026 về hỗ trợ chi phí

học tập và miễn giảm học phí:

a. Học kỳ I năm học 2025-2026

STT	Chỉ tiêu	Số lượng học sinh	Ghi chú
A	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ (=I+II+III)	1602	
I	Đối tượng được miễn học phí theo nghị định 238/NĐ-CP:	1602	
B	ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP	5	
1	Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.	5	

b. Học kỳ II năm học 2025-2026

STT	Chỉ tiêu	Số lượng học sinh	Ghi chú
A	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ (=I+II+III)	1602	
	Đối tượng được miễn học phí theo nghị định 238/NĐ-CP:	1602	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác truyền thông, tuyên truyền: Tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đặc biệt là những nội dung về đổi mới giáo dục nhằm tạo được sự đồng thuận cao nhất trong việc triển khai các nhiệm vụ năm học. Khuyến khích đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Tăng cường đưa tin tất cả các hoạt động của nhà trường lên Cổng thông tin của trường, facebook của trường, facebook của câu lạc bộ truyền thông lễ quý đôn coi đây là các kênh truyền thông chính cung cấp thông tin tới cha mẹ học sinh.

2. Triển khai Chương trình GDPT 2018 bảo đảm chất lượng, hiệu quả: Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2006 đối với khối 12; Chương trình GDPT 2018 đối với khối 10, 11. Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy

học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Kế hoạch thực hiện chương trình của từng môn học bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình; thống nhất với kế hoạch giáo dục nhà trường. Việc bố trí thời lượng dạy học trong mỗi học kì của các môn học thống nhất với khung thời gian năm học trong kế hoạch giáo dục đảm bảo hợp lý, khoa học, không gây lên thừa thiếu cục bộ giáo viên và không được chậm chương trình so với khung thời gian mà Sở đã quy định. Tổ chức thực hiện thật tốt hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp cho học sinh khối 10 và khối 11 theo chương trình GDPT 2018 đảm bảo khoa học, hợp lý và đồng nhất về mạch kiến thức giữa các tiết tổ chức sinh hoạt tập thể theo khối với các tiết trực tiếp giảng dạy trên lớp. Nội dung tổ chức đảm bảo hấp dẫn, khoa học và thiết thực nhằm tạo hứng khởi cho học sinh giúp học sinh hình thành được các năng lực cốt lõi và phẩm chất cơ bản của người học thông qua các hoạt động được tổ chức.

3. Về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành: Tiếp tục nâng cao kỷ cương nề nếp trong cơ quan, kỷ cương, đạo đức công vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên. Nâng cao hiệu lực thực thi của các bản kế hoạch và các quy định trong chỉ đạo điều hành trong cơ quan; Hoàn thiện, bổ sung lại tất cả các quy chế của cơ quan đảm bảo tính khả thi, tạo hành lang pháp lý trong quản lý và điều hành và có tính kích thích mọi người trong cơ quan làm việc theo đúng pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà trường; Xây dựng được hệ thống quản lý hồ sơ nhà trường và giáo viên trên các ứng dụng của google: gmail, driver, classroom...

4. Về tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, các hoạt động ngoài không gian lớp học cho học sinh: Xây dựng kế hoạch giáo dục của hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 03 khối đảm bảo khoa học, tách biệt rõ nhiệm vụ được triển khai trong tiết chào cờ, tiết sinh hoạt lớp và những hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp được tổ chức ở trên lớp và các hoạt động ngoài không gian lớp học. Thông qua các hoạt động hình thành cho học sinh những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với độ tuổi tạo tiền đề cho học sinh xử lý được các tình huống thực tiễn trong học tập và cuộc sống xã hội; Làm tốt công tác tư vấn học đường (chú trọng tư vấn tâm lý HS), tư vấn sức khỏe sinh sản cho học sinh;

5. Công tác lao động, hướng nghiệp cho học sinh: Tổ chức hướng nghiệp cho học sinh tất cả các khối đặc biệt tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh lớp 12; Tổ chức phân luồng và tự phân luồng cho học sinh; giúp học sinh tự nhận thức được năng lực của học sinh để có thể lựa chọn nghề nghiệp phù hợp; Tổ chức cho học sinh lao động trong năm học chủ yếu lao động vệ sinh môi trường;

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý, thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo: Hoàn thiện hệ thống quản lý hồ sơ nhà

trường dựa trên các ứng dụng của office 365; phần mềm quản lý hồ sơ, giáo án edoc. Tiếp tục khai thác các phần mềm đã có trong nhà trường nhằm thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, xây dựng trường học thông minh.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường THPT Xuân Trường B, Xã Xuân Trường, Tỉnh Ninh Bình. Nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CB-GV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2026-2027./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Ninh Bình;
- CB-GV-NV nhà trường;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT.

